

Số: 431/BC-TiHCTX

Bình Chánh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của các cơ sở giáo dục năm học 2023-2024

1. Đặc điểm nhà trường:

Trường Tiểu học Cầu Xáng tọa lạc tại A3/33, đường Trần Văn Giàu, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích khuôn viên sử dụng 8840 m². Trường được thành lập theo Quyết định số 607/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ngày 21/7/1990, trên cơ sở tách ra từ trường cấp 1, 2 Phạm Văn Hai Huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổng số CB, GV, NV, NLD: 44 trong biên chế.
 - Số lượng CBQL: 03/03. Trong đó có 01 nữ.
 - Nhân viên (văn thư, kế toán, Thư viện - Thiết bị): 02/02 nữ đạt trình độ Đại học
 - Số lượng giáo viên: 38 giáo viên. Trong đó có 31 nữ.
 - Trình độ giáo viên:
 - + Đại học: 35/38 người
 - + Cao đẳng: 03/38 người.
- Hợp đồng làm việc: 13 người.
 - GV/TPT Đội: 01 hợp đồng
 - Nhân viên y tế: 01 hợp đồng
 - Nhân viên bảo vệ: 3 người.
 - Nhân viên phục vụ: 4 người.
 - GV hợp đồng thỉnh giảng, ngắn hạn: 4 GV.

2. Thực hiện công khai:

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 564 ngày 11 tháng 10 năm 2023 về thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

- Những nội dung công khai trong Kế hoạch của đơn vị

+ Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 1 và của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp

giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 05 của Thông tư 36/2017).

b) *Chất lượng giáo dục thực tế*: Số học sinh xếp loại theo từng năng lực, phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm học; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoàn thành chương trình tiểu học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học (Biểu mẫu 06 của Thông tư 36/2017).

c) *Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian*: công khai Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia của nhà trường.

d) *Kiểm định cơ sở giáo dục*: công khai báo cáo đánh giá ngoài

+ *Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục*

a) *Cơ sở vật chất*: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Biểu mẫu 07 Thông tư 36/2017).

b) *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên*

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 08 Thông tư 36/2017). Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và những năm tiếp theo.

+ *Công khai thu chi tài chính*

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính đối với đơn vị được cấp ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 61/2017/TT-BGDĐT ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 29/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

a) Các khoản thu (hỗ trợ) của phụ huynh học sinh, các nhà hảo tâm trong năm học 2022-2023 (nếu có) và dự kiến cho năm học 2023-2024.

b) Ngân sách nhà nước cấp (theo phân bổ dự toán UBND huyện cấp).

Các khoản chi trong năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và

thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo quy định (Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính đối với đơn vị được cấp ngân sách nhà nước. Thông tư số 61/2017/TT-BGDĐT ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 29/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Kết quả thực hiện

+ Hình thức công khai: Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng (Website của nhà trường), trong các cuộc họp của cán bộ, giáo viên, nhân viên và các cuộc họp phụ huynh của nhà trường.

+ Thời điểm công khai:

Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Công khai trên trang Web của nhà trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Niêm yết công khai tại nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Thời điểm niêm yết công khai: Tháng 6, tháng 9, tháng 12 (khi có sự thay đổi).

+ Đã công khai các nội dung:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: (Biểu mẫu 05 của Thông tư 36/2017).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: (Biểu mẫu 06 của Thông tư 36/2017).

- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a) Cơ sở vật chất: (Biểu mẫu 07 Thông tư 36/2017).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên (Biểu mẫu 08 Thông tư 36/2017).

- Công khai thu chi tài chính

Nhà trường đã triển khai và thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai theo quy định. Nhà trường được đón các đoàn kiểm tra như: Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra việc thực hiện công tác công khai trong nhà trường (nếu có).

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

a) Các khoản thu (hỗ trợ) của phụ huynh học sinh, các nhà hảo tâm trong năm học 2022-2023 (nếu có) và dự kiến cho năm học 2023-2024.

b) Ngân sách nhà nước cấp (theo phân bổ dự toán UBND Huyện cấp).

Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

- Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024.

Trường TH Cầu Xáng công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1,2, 6 tháng đầu năm 2023 (Biểu số 03).

- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2023 (Biểu số :02)

- Thông báo về các khoản thu đầu năm học 2023 - 2024 của Trường Tiểu học Cầu Xáng (Kế hoạch số 427/TiHCX ngày 03/10/2022)

- Thông báo công khai sử dụng tài sản công năm 2023(Mẫu số 09a-CK/TSC; Mẫu số 09b-CK/TSC, Mẫu số 09c-CK/TSC;4/ Mẫu số 09d-CK/TSC; Mẫu số 09đ-CK/TSC

- Thông báo công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024. (kèm theo danh sách)

*** Hình thức và thời điểm công khai:**

+ Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo niêm yết ở văn phòng trường, bảng tin của trường để thuận tiện cho mọi người theo dõi.

- Niêm yết kế hoạch thu, thông báo các khoản thu, mức thu năm học 2023 - 2024 trên bảng tin nhà trường.

- Gửi thông báo bằng văn bản (Thông báo thu tiền) đến từng phụ huynh học sinh.

+ ***Thời điểm công khai:***

Thực hiện công khai quý vào tháng 1, tháng 6, tháng 9 hàng năm, công khai các khoản thu vào đầu năm học, công khai sử dụng tài sản công là sau khi kết thúc năm tài chính: tháng 1 năm 2024, công khai phân bổ dự toán tháng 1 năm 2024

- **Nhận xét, đánh giá:**

+ ***Ưu điểm:***

Trong năm học qua việc thực hiện quy chế công khai trong hoạt động của nhà trường có những chuyển biến tích cực, tình hình dân chủ từng bước được nâng lên, nhận thức của cán bộ giáo viên, nhân viên có nhiều chuyển biến, đề cao trách nhiệm trong công việc, thực hiện tốt nội quy quy chế của nhà trường, nội bộ đoàn kết, không có trường hợp tiêu cực tham nhũng bị xử lý.

Việc thực hiện tốt quy chế công khai đã giúp cho quan hệ của cán bộ giáo viên, nhân viên với phụ huynh học sinh được tốt hơn.

Nhà trường được đạt Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 (năm học 2022 – 2023).

Thực hiện tuyển sinh lớp 1 công khai trên trang Web của trường đúng thời gian, đúng quy định.

+ ***Hạn chế:***

Đã thực hiện thu các khoản thu trên kênh thu hộ SSC nhưng chưa đảm bảo thời hạn, kéo dài ảnh hưởng đến việc việc kết sổ hàng tháng, ảnh hưởng đến công tác quyết toán của đơn vị.

3. Việc Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2023-2024 và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2024-2025.

- Thực hiện báo cáo công khai năm học 2023 – 2024 đúng thời gian quy định. Tính tới thời điểm báo cáo, nhà trường chưa có sai phạm liên quan đến việc thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

- Trong năm học 2024 – 2025 trường sẽ triển khai xây dựng thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2024- 2025 để triển khai và quán triệt thực hiện tại đơn vị theo quy định.

- **Nhận xét, đánh giá:**

+ ***Ưu điểm:***

Tập thể nhà trường có tinh thần đoàn kết cao, đội ngũ giáo viên có chuyên môn tay nghề vững vàng, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

Nhà trường có trang Web riêng, thuận lợi cho việc thực hiện quy chế công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

Phụ huynh phối hợp tốt với nhà trường trong mọi hoạt động.

+ Hạn chế:

Nhiều phụ huynh hoàn cảnh còn khó khăn chưa có điều kiện tiếp cận kênh thu hộ SSC nên việc thực hiện thu các khoản thu trên kênh này còn chưa đảm bảo thời gian theo quy định.

- Đề nghị: Không.

Nơi nhận:

- Phòng GH-ĐT Huyện (để báo cáo);
- Ban Giám Hiệu, CTCD (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu VP;

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Sơn

Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦU XÁNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023-2024
(Kèm theo Báo cáo số 431/BC-THCX, ngày 27/8/2024 về thực hiện quy chế công khai và
kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của
các cơ sở giáo dục năm học 2023-2024)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	+ Học sinh thuộc địa bàn đã được phân tuyến tuyển sinh: có HKTT tại ấp 3 xã Phạm Văn Hai. Có HKTT, Tạm trú tại ấp 1 xã Lê Minh Xuân, Độ tuổi: trẻ 6 tuổi (sinh năm 2017); trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	-Lớp 1,2,3,4: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. -Lớp 5:Thực hiện chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành theo QĐ 16/2006/QĐ-BGDĐT về việc <i>ban hành chương trình giáo dục phổ thông - cấp tiểu học</i> và theo chuẩn kiến thức – kỹ năng của từng môn học.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: -Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Học Cha Mẹ học sinh ít nhất 3 lần/ năm - Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục học tập, năng lực và phẩm chất của học sinh theo từng tháng, từng học kì; gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN,với ban giám hiệu để cùng phối hợp giáo dục HS. 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - HS phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một HS tiểu học, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.				
	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ	- Đủ phòng học cho học sinh 1 lớp/ phòng. Bố trí được học 10 buổi/ tuần. Trong mỗi phòng học được trang bị bàn ghế, bảng chống lóa,				

IV	sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	điện, quạt, thiết bị dạy học ứng dụng CNTT, tủ đựng ĐDDH đúng quy cách phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh. Có 2 phòng Tin học với 70 máy. 1 phòng Tiếng Anh, 1 phòng Âm nhạc. - Các phòng học bộ môn duy trì, hoạt động thường xuyên, phục vụ cho việc dạy – học (phòng Tin học, thư viện..). Có 1 khu thư viện xanh rộng 80 m², 1 phòng học đa năng rộng 260m², 1 sân bóng đá mini diện tích 240m²
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các buổi sinh hoạt tập thể, các sân chơi, tổ chức các hoạt động vệ sinh, thăm nhà lưu niệm hay thăm viếng nghĩa trang và các hoạt động khác để giáo dục toàn diện cho học sinh.
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý 100 % đạt trình độ chuẩn theo quy định; trong đó có 12 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện trở lên. 5 thầy cô giáo đang theo học các lớp đào tạo nâng chuẩn theo quy định. - Phương pháp quản lý nhà trường thực hiện theo Điều lệ trường tiểu học, theo quy chế của ngành, và quy định của nhà trường
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá phẩm chất và năng lực, đều đạt được Chuẩn kiến thức -Kỹ năng theo quy định của từng khối lớp. HS lên lớp thẳng đạt 932/949, tỷ lệ 98,2% và 100% học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học. - Duy trì sĩ số: 99,68% - Cuối năm học, 100% HS đều có đủ sức khoẻ để học tập, sinh hoạt, vui chơi.
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản đảm bảo cho việc học tập - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh. - Kết quả sau kiểm tra đánh giá lại có 99,68 % số học sinh có đủ kiến thức, kỹ năng để tiếp tục theo học các lớp trên.

Bình Chánh, ngày 27 tháng 8 năm 2024
Hiệu trưởng



Nguyễn Ngọc Sơn

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦU XÁNG**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	949	178	193	182	201	195
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	98,52%	95,5	97,92	100%	99%	100%

	Môn học	Tổng số	Chia ra				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1. Xếp loại học tập							
Toán		949	178	193	182	201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt		705	134	147	129	151	144
- Hoàn thành		235	39	44	53	48	51
- Chưa hoàn thành		9	5	2		2	
Tiếng Việt		949	178	193	182	201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt		620	113	131	114	125	137
- Hoàn thành		313	55	57	68	75	58
- Chưa hoàn thành		16	10	5		1	
Đạo đức		949	178	193	182	201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt		820	145	161	151	185	178
- Hoàn thành		129	33	32	31	16	17
- Chưa hoàn thành							
Tự nhiên - Xã hội		553	178	193	182		
Chia ra: - Hoàn thành tốt		435	140	151	144		
- Hoàn thành		118	38	42	38		
- Chưa hoàn thành							
Khoa học		396				201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt		367				179	188
- Hoàn thành		29				22	7
- Chưa hoàn thành							
Lịch sử & Địa lí		396				201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt		176				176	163
- Hoàn thành		25				25	32
- Chưa hoàn thành							
Âm nhạc		949	178	193	182	201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt		835	152	170	157	177	179
- Hoàn thành		114	26	23	25	24	16
- Chưa hoàn thành							

Mỹ thuật	949	178	193	182	201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt	736	139	147	135	154	161
- Hoàn thành	213	39	46	47	47	34
- Chưa hoàn thành						
Công nghệ (K3,K4), Kỹ thuật(K5)	578			182	201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt	511			162	169	180
- Hoàn thành	67			20	32	15
- Chưa hoàn thành						
Hoạt động trải nghiệm	754	178	193	182	201	
Hoàn thành tốt	627	136	159	143	189	
Hoàn thành	127	42	34	39	12	
Chưa hoàn thành	754					
Giáo dục thể chất (Thể dục K5)	754	178	193	182	201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt	688	161	177	165	185	182
- Hoàn thành	66	17	16	17	16	13
- Chưa hoàn thành						
Ngoại ngữ	578			182	201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt	368			118	130	120
- Hoàn thành	210			64	71	75
- Chưa hoàn thành						
Tiếng dân tộc						
Chia ra: - Hoàn thành tốt						
- Hoàn thành						
- Chưa hoàn thành						
Tin học	578			182	201	195
Chia ra: - Hoàn thành tốt	459			157	149	153
- Hoàn thành	119			25	52	42
- Chưa hoàn thành						
2. Về năng lực (K5)						
Tự phục vụ	195					195
Chia ra: - Tốt	184					184
- Đạt	11					11
- Cần cố gắng						
Hợp tác	195					195
Chia ra: - Tốt	185					185
- Đạt	10					10
- Cần cố gắng						
Tự học giải quyết vấn đề	195					195
Chia ra: - Tốt	167					167
- Đạt	28					28
- Cần cố gắng						
3. Về phẩm chất (K5)						
Chăm học chăm làm	195					195
Chia ra: - Tốt	172					172
- Đạt	23					23

- Cần cố gắng						
Tự tin trách nhiệm	195					195
Chia ra: - Tốt	180					180
- Đạt	15					15
- Cần cố gắng						
Trung thực, kỷ luật	195					195
Chia ra: - Tốt	185					185
- Đạt	10					10
- Cần cố gắng						
Đoàn kết, yêu thương	195					195
Chia ra: - Tốt	189					189
- Đạt	6					6
- Cần cố gắng						
4. Năng lực cốt lõi (K1,2,3,4)						
Năng lực chung						
Tự chủ và tự học	754	178	193	182	201	
Tốt	609	140	157	139	173	
Đạt	145	38	36	43	28	
Cần cố gắng						
Giao tiếp và hợp tác	754	178	193	182	201	
Tốt	646	150	152	156	188	
Đạt	108	28	41	26	13	
Cần cố gắng						
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	754	178	193	182	201	
Tốt	564	129	140	129	166	
Đạt	190	49	53	53	35	
Cần cố gắng						
Năng lực đặc thù						
Ngôn ngữ	754	178	193	182	201	
Tốt	565	132	148	133	152	
Đạt	188	45	45	49	49	
Cần cố gắng	1	1				
Tính toán	754	178	193	182	201	
Tốt	574	138	151	129	156	
Đạt	179	39	42	53	45	
Cần cố gắng		1				
Tin học	383			182	201	
Tốt	313			160	153	
Đạt	70			22	48	
Cần cố gắng						

Công nghệ	383			182	201	
Tốt	342			165	177	
Đạt	41			17	24	
Cần cố gắng						
Khoa học	754	178	193	182	201	
Tốt	626	136	162	143	185	
Đạt	127	41	31	39	16	
Cần cố gắng	1	1				
Thảm mĩ	754	178	193	182	201	
Tốt	602	143	152	139	168	
Đạt	152	35	41	43	33	
Cần cố gắng						
Thể chất	754	178	193	182	201	
Tốt	686	159	171	166	190	
Đạt	68	19	22	16	11	
Cần cố gắng						
5. Phẩm chất chủ yếu						
Yêu nước	754	178	193	182	201	
Tốt	751	175	193	182	201	
Đạt	3	3				
Cần cố gắng						
Nhân ái	754	178	193	182	201	
Tốt	730	175	177	177	201	
Đạt	24	3	16	5		
Cần cố gắng						
Chăm chỉ	754	178	193	182	201	
Tốt	638	143	161	149	185	
Đạt	116	35	32	33	16	
Cần cố gắng						
Trung thực	754	178	193	182	201	
Tốt	718	164	181	174	199	
Đạt	36	14	12	8	2	
Cần cố gắng						
Trách nhiệm	754	178	193	182	201	
Tốt	651	143	160	152	196	
Đạt	103	35	33	30	5	
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
6. Số học sinh không đánh giá	0	0	0	0	0	0
7. Đánh giá KQGD (K1,2,3,4,5)	949	178	193	182	201	195
- Hoàn thành xuất	505	105	102	91	103	104

- Hoàn thành tốt						
- Hoàn thành	336	63	86	91	96	91
- Chưa hoàn thành	17	10	5	0	2	0
8. Khen thưởng (K1,2,3,4,5)	505	105	102	91	103	104
- Giấy khen cấp trường	505	105	102	91	103	104
- Giấy khen cấp trên	0	0	0	0	0	0
- Kiểm lại	17	10	5	0	2	0
- Lưu ban	13	8	4	0	2	0
- HS chuyển đến	43	3	15	16	5	3
- HS chuyển đi	28	4	6	6	4	8
- Bị đuổi học	0	0	0	0	0	0
- Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	3	1	0	2	0	0
9. Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi- Tài năng tin học.	0	0	0	0	0	0
Cấp Huyện	0	0	0	0	0	0
Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0	0
Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0	0
Số học sinh dự xét hoàn thành lớp học (1,2,3,4) chương trình tiểu học (lớp 5)	935	170	189	182	199	195
Số học sinh nữ	92	78	93	87	108	92
Số học sinh dân tộc thiểu số	18	5	5	1	7	5

* Ghi chú: HS các khối 1,2,3,4 Đánh giá năng lực, phẩm chất theo TT27/2020/TT/BGDDT
(Có bảng phía dưới: Phụ lục Đánh giá HS lớp 1,2,3,4)

Bình Chánh, ngày 27 tháng 8 năm 2024



Hiệu trưởng

Nguyễn Ngọc Sơn

Biểu mẫu 07

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦU XÁNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/30	1 phòng/ lớp
II	Loại phòng học	34	
1	Phòng học kiên cố	34	1 phòng/ lớp
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	8840	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4000	
VI	Tổng diện tích các phòng	1440	
1	Diện tích phòng học (m ²)	60	
2	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	48	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	378	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	1039	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	30	
1	Khối lớp 1	6	
2	Khối lớp 2	6	
3	Khối lớp 3	6	
4	Khối lớp 4	6	
5	Khối lớp 5	6	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	
IX	Tổng số thiết bị	44	
1	Ti vi	30	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	
5	Thiết bị dùng chung	2	
6	Đàn phím điện tử	01	
7	Đàn Medolen	0	
8	Bảng tương tác thông minh	0	
9	Kèm phím (cái)	5	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	360

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú (dùng chung với lớp phòng học, không có phòng nghỉ riêng dành cho HS bán trú)	30 phòng học dùng chung	900	1,6m ²
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2 khu vệ sinh nam, nữ riêng	0	5 khu vệ sinh nam, nữ riêng	0	0,24 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Bình Chánh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Hiệu trưởng



Nguyễn Ngọc Sơn

Biểu mẫu 08

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦU XÁNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	55	44	11	0	0	41	4	2	8	
I	Giáo viên	41	38	3	0	0	36	4	0	0	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Mĩ thuật	1	1	0				1			
2	Thể dục	2	2	0			1	1			
3	Âm nhạc	1	1	0			1				
4	Tiếng nước ngoài	6	5	1			4	1			
5	Tin học	1	1	0			1				
	Văn hóa	30	28	2			29	1			
II	Cán bộ quản lý	3	3	0			3				
1	Hiệu trưởng	1	1	0			1				
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0			2				
III	Tổng phụ trách	1	0	1					1		GV hợp đồng ngắn hạn
IV	Nhân viên	4	3	1			2			1	
1	Nhân viên văn thư	1	1	0			1				
2	Nhân viên kế toán	1	1	0			1				
3	Thủ quỹ		0				0			0	VT kiêm nhiệm
4	Nhân viên y tế	1	0	1						1	NV hợp đồng ngắn hạn

5	Nhân viên thư việnTB	1	1						1		Biên chế
6	Nhân viên khác	7		7						7	
	Bảo vệ	3		3						3	
	Phục vụ	4		4						4	

Bình Chánh, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Hiệu trưởng



Nguyễn Ngọc Sơn